

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày 14 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Khải
- Ông Lê Văn Thành Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 31/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-HS ngày 28/02/2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Minh Q, sinh năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: D11/13, Ấp X, xã X1, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Không có nơi cư trú ổn định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông Lê Kim H3 và bà Nguyễn Thị Thu H4; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/02/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số: 42/QĐ-QLNN về việc quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 12/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8 ra quyết định hủy bỏ Quyết định số: 42/QĐ-QLNN để thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam.

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Đăng H, sinh năm 2003, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 53 Ấp Y, xã Y1, huyện Cần Đức, tỉnh Long An; nơi ở: Không có nơi cư trú ổn định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; con ông Phạm Đăng T3 và bà Đặng Thị T4; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/02/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số: 43/QĐ-QLNN về việc quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đến ngày 12/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8 ra quyết định hủy bỏ Quyết định số: 43/QĐ-QLNN để thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam.

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Đinh Hoài B, sinh năm 2002; địa chỉ: 85/122/25 Đường Z, Phường Z1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ: 1264F Đường F, Phường F1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 85/122/25 Đường Z, Phường Z1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Bà Đặng Thị Thu V, sinh năm 1973; địa chỉ: 85/122/25 Đường Z, Phường Z1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/12/2022, Lê Minh Q cho anh Đinh Hoài B mượn số tiền 40.000.000 đồng không lấy lãi và B hẹn đến tháng 01/2023 sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho Q. Đến hạn trả nợ, B tìm cách tránh mặt không trả nợ cho Q.

Đến khoảng tháng 01/2023, Q nói cho Phạm Đăng H biết chuyện B nợ tiền không trả và nhờ H tìm cách dụ B ra gặp Q để giải quyết số tiền nợ. Sau đó, H nhờ bạn gái là Q1 (không rõ lai lịch) lên mạng xã hội Facebook kết bạn làm quen với B. Tiếp đó, Q1 hẹn B gặp nhau vào lúc 02 giờ ngày 06/02/2023, tại quán cà phê ven đường, đối diện số 15 Đường số 2, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh. Sau khi hẹn được B, Q1 thông báo cho H và Q biết. Lúc này, H đến quán cà phê gặp Q1 đi cùng với 02 người bạn của H tên D và H1 (không rõ lai lịch), Q cũng đến ngay sau đó.

Cả nhóm ngồi tại quán cà phê đợi B đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày 06/02/2023, thì thấy B đi xe taxi đến. Khi vừa thấy B, H và D chạy đến giữ B lại, Q trả tiền cho tài xế taxi vừa chở B, đồng thời hỏi B có nhận ra Q không thì B nói không biết. Q kêu B vào bên trong quán cà phê để nói chuyện nhưng B không đồng ý. H, D và H1 nắm áo B, H dùng tay đánh và kéo B vào bên trong quán cà phê. Thấy B không thừa nhận việc nợ tiền của Q nên H liền nhặt 01 cây sắt trong quán cà phê đe dọa đánh thì B thừa nhận có việc nợ tiền giữa B và Q. Lúc này, H và D dùng ghế nhựa trong quán đánh B; Q hỏi anh B định giải quyết tiền nợ như thế nào thì B nói không có tiền trả nên H tiếp tục đánh B, Q yêu cầu B dùng điện thoại liên lạc với bà Đặng Thị Thu V (mẹ ruột anh B) và ông Trần Văn N (cha dượng anh B) nói mang tiền đến trả nợ cho

B. Sợ bị đánh chịu không nổi nên anh B gọi điện cho bà V, ông N mang tiền đến trả cho Q. Do trời đã khuya nên bà V và ông N hẹn Q đến sáng ngày 06/02/2023 sẽ gặp Q để giải quyết. Sau khi B điện thoại cho gia đình, B cho Q biết trong tài khoản của B còn số tiền 3.800.000 đồng và đồng ý chuyển trả nợ trước cho Q, B chuyển số tiền 3.800.000 đồng vào tài khoản của H (trong đó 300.000 đồng là tiền taxi Q trả cho B trước đó, 3.500.000 đồng còn lại tính vào tiền B nợ Q). Sau đó, Q yêu cầu B tiếp tục gọi điện về gia đình tìm cách trả nợ.

Trong khoảng thời gian chờ cha mẹ của B mang tiền đến trả, H, D, H1 tiếp tục dùng tay đánh nhiều cái vào mặt của B gây trầy xước, bầm tím. Lúc này, B có xin Q cho B được về nhà thì Q không đồng ý và nói “*mày về rồi tao kiếm mày ở đâu*”. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày 06/02/2023, Q1 bỏ đi, chỉ còn Q, H, H1 và D. Sau đó, bà V gọi điện đề nghị Q đưa B về nhà bà V để trực tiếp giải quyết việc nợ tiền thì được Q đồng ý. Do bận đi khám bệnh nên bà V gọi điện hẹn gặp Q vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày tại ngã tư gần công chợ Bình Điền, Phường 7, Quận 8. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi đón Nguyễn Thị Cẩm P (bạn gái của Q). Trong khoảng thời gian H, H1 và D giữ anh B, H dùng cây sắt nêu trên đánh gây trầy xước ở hai tay của B.

Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày 06/02/2023, Q chở P đến để ký giấy nợ với B (giấy nợ do Q buộc B viết vào khoảng hơn 02 giờ ngày 06/02/2023), ký giấy nợ xong với P xong thì P bỏ đi. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, gia đình B điện thoại hẹn gặp Q tại ngã tư chợ Bình Điền, Phường 7, Quận 8 để giải quyết nợ cho B. Sau đó, Q và H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở B đến điểm hẹn, riêng D, H1 chạy xe đi theo một đoạn rồi bỏ đi đâu không rõ. Sau khi gọi điện xong, bà V đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 trình báo vụ việc. Khi Q, H và B đang đứng đợi gần ngã tư chợ Bình Điền, Phường 7, Quận 8 thì Đội cảnh sát hình sự Công an Quận 8 đến đưa Q, H cùng những người liên quan về trụ sở để làm rõ. Qua làm việc, H thừa nhận hành vi cùng H1, D, Q1 tham gia giúp Q khống chế bắt giữ anh B nhằm buộc B trả tiền nợ cho Q. Sau khi đánh anh B, H đã ném bỏ hung khí dọc đường nên Cơ quan Công an không thu giữ được vật chứng.

Bị hại Đinh Hoài B khai: Anh B bị thương tích trầy xước ở hai tay. Ngày 06/3/2023, anh B có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật, không yêu cầu khởi tố vụ án, không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với việc B bị H, H1 và D gây thương tích. Ngoài ra, anh B không yêu cầu bồi thường. Anh B xác định việc chuyển số tiền 3.800.000 đồng vào tài khoản của H (trong đó 300.000 đồng là tiền taxi Q trả cho B trước đó, 3.500.000 đồng còn lại tính vào tiền B nợ Q) là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Bà Đặng Thị Thu V và ông Trần Văn N trình bày: Q có nói với ông N và bà V về việc Đinh Hoài B nợ tiền của Q và yêu cầu ông N, bà V đến gặp Q để giải quyết số tiền B nợ thì mới thả cho B về.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng: 01 giấy mượn tiền viết tay (do B giao nộp); 01 điện thoại di động Iphone 12 ProMax, màu xanh, số imei: 35566051427709, số sim: 0966373043 tạm giữ của Phạm Đăng H; 01 điện thoại di động Samsung C9 Pro, màu trắng, số seri: R28J43QDD2K và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng, sim số 0789363676 tạm giữ của Lê Minh Q.

Tại Cơ quan Điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKS-Q8 ngày 31/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố các bị cáo Lê Minh Q và Phạm Đăng H về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố;

Lê Minh Q và Phạm Đăng H cùng khai nhận:

Việc các bị cáo cùng H1, D bắt Đinh Hoài B, có hành vi đánh đập, khống chế B đưa lên xe chở đi nhiều địa điểm khác nhau nhằm mục đích gây áp lực buộc B phải gọi điện thoại yêu cầu bà Đặng Thị Thu V (mẹ ruột anh B) và ông Trần Văn N (cha dượng anh B) phải giao số tiền 40.000.000 đồng cho Q, thì Q mới chịu thả anh B về. Việc B chuyển số tiền 3.800.000 đồng vào tài khoản của H là hoàn toàn tự nguyện.

Q chỉ nhờ H tìm cách dụ anh B ra gặp Q. Sau đó, việc H nhờ Q1 và gọi H1, D đi cùng thì Q xác định Q không biết, chỉ khi Q1 gọi điện và đến chỗ hẹn gặp B thì Q mới biết có H1 và D tham gia; giữa Q và H không bàn bạc, phân công nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1, Khoản 6 Điều 169; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt mỗi bị cáo Lê Minh Q và Phạm Đăng H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại và có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị không xét.

Về xử lý vật chứng:

- 01 giấy mượn tiền viết tay (do bị hại B giao nộp), là chứng cứ vụ án nên đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone 12 ProMax tạm giữ của Phạm Đăng H; 01 điện thoại di động Samsung C9 Pro và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng tạm giữ của Lê Minh Q, các bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, nên đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 03 giờ 30 phút, ngày 06/02/2023, tại quán cà phê ven đường, đối diện số 15 Đường số 2, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Lê Minh Q và Phạm Đăng H có hành vi đánh đập, khống chế anh Đinh Hoài B đưa lên xe chở đi nhiều địa điểm khác nhau nhằm mục đích gây áp lực buộc anh B phải điện thoại yêu cầu bà Đặng Thị Thu V (mẹ ruột anh B) và ông Trần Văn N (cha dượng anh B) phải giao số tiền 40.000.000 đồng cho Q, thì Q mới chịu thả anh B về. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 06/02/2023, khi Q, H đưa anh B đến gần ngã tư chợ Bình Điền, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Đội cảnh sát hình sự Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt giữ.

Như vậy, mục đích của chuỗi hành vi bắt giữ, trói, nhốt, đánh anh B mà các bị cáo thực hiện là nhằm chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của gia đình anh B. Việc bà V, ông N chưa giao số tiền 40.000.000 đồng cho các bị cáo theo yêu cầu không làm thay đổi mục đích chiếm đoạt ban đầu của các bị cáo là số tiền 40.000.000 đồng.

Theo Án lệ số 64/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày 18 tháng 8 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 364/QĐ-CA ngày 01 tháng 10 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo thực hiện hành vi bắt giữ, trói, nhốt, đánh bị hại nhằm gây áp lực để bị hại phải gọi cho gia đình, người thân trả số tiền mà bị hại đã vay của các bị cáo thì mới được thả về. Như vậy, mục đích của chuỗi hành vi bắt giữ, trói, nhốt, đánh bị hại mà các bị cáo thực hiện là nhằm chiếm đoạt số tiền của gia đình bị hại. Việc gia đình bị hại đã giao tiền cho các bị cáo hay chưa không làm thay đổi mục đích chiếm đoạt ban đầu của các bị cáo (là số tiền bị hại đã vay của bị cáo). Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền bị hại vay, số tiền này là mục đích chiếm đoạt của các bị cáo từ khi bắt đầu việc bắt giữ bị hại. Các bị cáo phải bị xét xử về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Án lệ số 64/2023/AL, có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến 02 khách thể được pháp luật bảo vệ, là tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác. Do vậy, căn cứ Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, thì bị hại trong vụ án được xác định là ông B (người bị thiệt hại về sức khỏe, tinh thần) và bà V, ông N (thiệt hại về tài sản).

Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục, răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Q là người khởi xướng, nhờ H tìm cách dụ B ra gặp mặt, bắt giữ B, gây sức ép buộc B trả nợ; H là người nhờ Q1 dụ B ra gặp mặt và cũng là người trực tiếp đánh B gây sức ép để Q buộc B gọi điện về cho bà V và ông N mang tiền ra trả nợ cho B. Do vậy, mức hình phạt của bị cáo Q phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo H. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với vai trò từng bị cáo.

Các đối tượng tên Q1, P, D và H1 hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch; Q và H cùng khai nhận: Q chỉ nhờ H tìm cách dụ B ra gặp Q, việc H nhờ Q1 và gọi H1, D đi cùng thì Q xác định Q không biết, chỉ khi Q1 gọi điện và đến chỗ hẹn gặp B thì Q mới biết có H1 và D tham gia; giữa Q và H không bàn bạc, phân công nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, các bị cáo phạm tội chưa đủ cơ sở vững chắc xác định các bị cáo “Phạm tội có tổ chức”, hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Xét các bị cáo đều không có nơi cư trú ổn định, không nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với hai người nam thanh niên tên H1, D và hai người nữ thanh niên Q1 và P, do không xác định được lai lịch địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào phát hiện sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại không yêu cầu bồi thường, vắng mặt tại phiên tòa (ông N và bà V có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa), nên không xét.

Bị hại B xác định việc chuyển số tiền 3.800.000 đồng vào tài khoản của H (trong đó 300.000 đồng là tiền taxi Q trả cho B trước đó, 3.500.000 đồng còn lại tính vào tiền B nợ Q) là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên không có căn cứ xem xét về hành vi chiếm đoạt số tiền này của các bị cáo. Đồng thời, quá trình điều tra, anh B không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xử lý vật chứng:

- 01 giấy mượn tiền viết tay (do bị hại B giao nộp), là chứng cứ vụ án, nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone 12 ProMax màu xanh tạm giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động Samsung C9 Pro màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Nokiamàu

trắng tạm giữ của bị cáo Q, xét các bị cáo có dùng những điện thoại này làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 169; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng Án lệ số: 64/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày 18 tháng 8 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 364/QĐ-CA ngày 01 tháng 10 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh Q 03 (ba) năm tù, về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2023.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 169; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng Án lệ số 64/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày 18 tháng 8 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 364/QĐ-CA ngày 01 tháng 10 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đăng H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2023.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động Iphone 12 ProMax, màu xanh, số imei: 35566051427709, số sim: 0966373043.

- 01 điện thoại di động Samsung C9 Pro, màu trắng, số seri: R28J43QDD2K.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng, sim số 0789363676.

(Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/6/2023)

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo Lê Minh Q, Phạm Đăng H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ

thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53.
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Hoa